

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 49/2023/ DS-ST

Ngày: 26/9/2023.

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Quang Hoạch.

2/ Ông Tạ Văn Đài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Anh – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2023/QĐST-DS ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông M:

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số A, đường số B, ấp Q, xã Q, huyện T tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ A, đường N, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1980 và bà Trần Thị Lan A, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Đường L, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: đường A, khu phố B, thị trấn T, huyện T.

3.2 Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: đường A, khu phố B, thị trấn T, huyện T.

(Bà Thảo có mặt; những người khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26/02/2021, ông M đã cho vợ chồng ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A mượn số tiền là 500.000.000 đồng (*bằng chữ: năm trăm triệu đồng chẵn*) để mua đất, mua xe ô tô. Theo đó, ông T1 và bà Lan A tự tay lập giấy mượn tiền ghi nhận mượn ông M số tiền 500.000.000 đồng (*bằng chữ: năm trăm triệu đồng chẵn*). Thời hạn vay là 5 tháng, lãi suất thỏa thuận, trên giấy mượn tiền ông T1 và bà Lan A có ký nhận cho ông M.

Trong thời hạn hợp đồng vay, vợ chồng ông T1 có chuyển khoản trả lãi cho nguyên đơn 02 lần thông qua số tài khoản ngân hàng của con trai ông T1 là anh Nguyễn Văn P, số tài khoản 5905215047015 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: lần 1 số tiền là 15.000.000 đồng (tháng 3/2021), lần 2 là 20.000.000 đồng (tháng 6/2021).

Khi đến thời hạn trả tiền nợ gốc (ngày 26/7/2021), ông M nhiều lần liên hệ vợ chồng ông T1 yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi trong hạn còn thiếu nhưng vợ chồng ông T1 cứ hẹn ngày này sang ngày khác mà không chịu trả. Đến ngày 26/3/2022, ông Bùi Văn T1 chuyển thêm số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tiền lãi cho nguyên đơn.

Sau đó, nhiều lần ông M tìm tới nhà vợ chồng ông T1 để đòi nợ gốc nhưng ông T1 không chịu mở cửa tiếp, gọi điện thoại thì không nghe máy. Sau nhiều lần liên hệ thì ông T1 có trả nợ cho ông M số tiền nợ gốc như sau:

- Ngày 02/6/2022, ông Bùi Văn T1 chuyển số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) vào số tài khoản nêu trên của con trai ông M.

- Ngày 16/7/2022, ông Bùi Văn T1 chuyển số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) vào số tài khoản nêu trên của con trai ông M.

- Ngoài ra, ông T1 và bà Lan A có trả (tiền mặt) cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền nợ gốc thông qua con dâu ông M là chị Nguyễn Ngọc Thủy T. Từ đó, đến nay vợ chồng ông T1 không trả thêm cho ông M được bất kỳ khoản tiền nào nữa.

Theo đơn khởi kiện, ông M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom buộc vợ chồng ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A liên đới trả cho ông M số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 26/7/2021 đến khi thời điểm có bản án của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom buộc vợ chồng ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A liên đới trả cho ông M số tiền nợ gốc còn thiếu là: 390.000.000 đồng (ba trăm chín

mười triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26/7/2021 đến thời điểm xét xử ngày 26/9/2023 là: 26 tháng x 390.000.000 đồng x lãi suất 10%/năm = 84.162.000 đồng (tám mươi bốn triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Tổng số tiền mà vợ chồng ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A liên đới trả cho ông M là: 474.162.000 đồng (bốn trăm bảy mươi bốn triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

2. Bị đơn ông Bùi Văn T1 vắng mặt, theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất ông T1 trình bày:

Ngày 26/01/2021, ông và vợ là bà Trần Thị Lan A có mượn của ông M số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để nuôi heo. Thời hạn vay là 05 tháng, với lãi suất thoả thuận là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng)/tháng. Khi vay ông có viết giấy mượn tiền ngày 26/02/2021 và vợ chồng ông ký tên vào giấy mượn tiền. Ông đã trả lãi đầy đủ đến ngày 26/10/2022 thì ông trả thêm 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền gốc cho ông M. Từ ngày 26/10/2022, ông M tính lãi 15.000.000 đồng/tháng. Ông tiếp tục đóng lãi được đến đầu năm 2023 thì không có khả năng đóng tiếp do công việc làm ăn thua lỗ. Phía công ty đối tác có hứa trả dần cho ông để ông trả cho ông M.

Những lần trả tiền cho ông M ông không viết giấy giao nhận tiền. Ngoài ra có 1, 2 lần ông trả lãi cho con dâu ông M.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu ông phải trả cho ông M số tiền gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh thì ông không đồng ý. Vì thực tế ông đã trả cho ông M 200.000.000 đồng tiền nợ gốc.

3. Đồng bị đơn – bà Trần Thị Lan A vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Trần Thị Lan A nhưng bà Lan A vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P có đơn xin vắng mặt, theo bản tự khai ngày 24/4/2023 ông P trình bày:

Ông là con trai ông Nguyễn Văn M, ông được biết vào đầu năm 2021 ông M có cho vợ chồng ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A mượn số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để mua đất, mua xe ô tô. Thời hạn vay là 5 tháng.

Ông là chủ số tài khoản 5905215047015 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Trong quá trình vay mượn, ông M có cung cấp số tài khoản của ông cho ông T1 thuận tiện trong việc chuyển tiền lãi. Theo đó, ông T1 đã chuyển tiền vào số tài khoản nêu trên những lần cụ thể như sau:

- Ngày 27/3/2021, ông Bùi Văn T1 chuyển số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Ngày 03/6/2021, ông Bùi Văn T1 chuyển số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Ngày 26/3/2022, ông Bùi Văn T1 chuyển số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

- Ngày 02/6/2022, ông Bùi Văn T1 chuyển số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Ngày 16/7/2022, ông Bùi Văn T1 chuyển số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Ngoài những lần nêu trên ông Bùi Văn T1 không chuyển thêm bất kỳ số tiền nào nữa.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Thủy Tiên có đón xin vắng mặt, theo bản tự khai ngày 24/4/2023 bà T trình bày:

Bà là con dâu của ông Nguyễn Văn M, bà được biết vào đầu năm 2021 ông M có cho vợ chồng ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A mượn số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để làm ăn. Thời hạn vay là 05 tháng.

Việc tính lãi và vay mượn do ông M và ông Bùi Văn T1 tự thực hiện. Trong đó có 01 lần ông M có nhờ bà đi lấy giùm số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) từ ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A.

6. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Tuy nhiên Tòa án cần đảm bảo về thời gian giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho đương sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về thời hạn gửi Quyết định xét xử và hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định.

- Về nội dung vụ án:

Xét thấy cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 26/02/2021 ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A có vay của ông Nguyễn Văn M số tiền 500.000.000 đồng, khi vay thì ông T1 có viết giấy mượn tiền ngày 26/02/2021, ông T1 và vợ là bà Lan A cùng ký tên trên giấy mượn tiền, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất tự thỏa thuận. Do vậy hợp đồng vay tài sản giữa ông M và vợ chồng ông T1, bà Lan A là có thật, đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Nguyên đơn trình bày trong quá trình vay bên bị đơn đã chuyển trả cho ông số tiền lãi 03 đợt: đợt 01 tháng 3/2021 trả số tiền 15.000.000 đồng, đợt 02 tháng 6/2021 trả số tiền 20.000.000 đồng, đợt 03 ngày 26/3/2022 trả số tiền 12.000.000 đồng tổng cộng là 47.000.000 đồng, tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng. Do ông T1 bà Lan A không trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong giấy mượn tiền đề ngày 26/02/2021 nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T1 bà Lan A liên đới trả cho ông số tiền 390.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính trên số tiền nợ gốc từ ngày 26/7/2021 tạm tính đến ngày 12/6/2023 là: 22 tháng x 390.000.000 đồng x lãi suất 10%/năm = 71.500.000 đồng. Tổng số tiền mà vợ chồng ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A liên đới trả cho nguyên đơn là: 461.500.000 đồng.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2023, bị đơn ông T1 khai lãi suất thỏa thuận là 35.000.000 đồng/1 tháng, đến ngày 26/10/2022 vợ chồng ông đã trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng nợ gốc, từ ngày 26/02/2021 đến đầu năm 2023 trả lãi 15.000.000 đồng/1 tháng, hình thức trả tiền trực tiếp cho ông M và có 1, 2 lần trả qua chị Thủy T. Lời khai của ông T1 được nguyên đơn thừa nhận 1 phần tiền gốc và lãi, ngoài ra ông T1 không có chứng cứ chứng minh do vậy có căn cứ chấp nhận 1 phần.

Cụ thể nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi. Do vậy căn cứ Điều 468 BLDS lãi suất được tính là 10%/năm. Từ ngày 26/02/2021 đến 26/7/2021 tiền lãi của số tiền 500.000.000 đồng được tính là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 05 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 20.833.000 \text{ đồng}$. Ông M khai ông T1 bà Lan A đã trả ông số tiền lãi đến tháng 6/2021 là 35.000.000 đồng. Do vậy số tiền lãi ông T1 đã trả dư là $35.000.000 \text{ đồng} - 20.833.000 \text{ đồng} = 14.167.000 \text{ đồng}$ được căn trừ vào số tiền nợ gốc. Cụ thể: $500.000.000 \text{ đồng} - 14.167.000 \text{ đồng} - 110.000.000 \text{ đồng} = 375.833.000 \text{ đồng}$.

Như vậy số tiền nợ gốc ông T1 bà Lan A phải trả cho ông M là 375.833.000 đồng.

Ông T1 bà Lan A phải tiếp tục trả lãi đối với số tiền 375.833.000 đồng tính từ ngày 27/7/2021 cho đến ngày xét xử với mức lãi là 10%/năm nhưng được trừ đi số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn vào ngày 26/3/2022 số tiền 12.000.000 đồng.

- **Về án phí:** Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH buộc các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A cư trú tại: Đường Lê Đại Hành, khu phố 3, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách người tham gia tố tụng:

[2.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A có nghĩa vụ liên đơn trả cho ông M số tiền vay là 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26/7/2021 đến thời điểm xét xử ngày 26/9/2023 là: $26 \text{ tháng} \times 390.000.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 10\%/\text{năm} = 84.162.000 \text{ đồng}$ (tám mươi bốn triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Tổng số tiền mà vợ chồng ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A liên đới trả cho ông M là: 474.162.000 đồng (bốn trăm bảy mươi bốn triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng) nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn M là người khởi kiện, ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A là người bị kiện nên xác định ông Nguyễn Văn M là nguyên đơn, ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A là bị đơn. Trong quá trình vay tiền, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Ngọc Thủy Tiên nhiều lần nhận tiền từ ông T1 và chuyển cho ông M nên xác định ông Nguyễn Văn P và

bà Nguyễn Ngọc Thuỷ Tiên là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Ngọc Thuỷ Tiên có đơn xin vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A liên đới trả cho ông M số tiền nợ gốc là: 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26/7/2021 đến thời điểm xét xử ngày 26/9/2023 là: 26 tháng x 390.000.000 đồng x lãi suất 10%/năm = 84.162.000 đồng (tám mươi bốn triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Tổng số tiền mà vợ chồng ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A liên đới trả cho ông M là: 474.162.000 đồng (bốn trăm bảy mươi bốn triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

[4.1] Đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A liên đới trả cho ông M số tiền nợ gốc là: 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng):

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông M cung cấp cho Tòa án “Giấy mượn tiền” đề ngày 26/02/2021, thể hiện nội dung “Tôi Bùi Văn T1, sinh năm 1980 có mượn của anh Mến, Nguyễn Văn M số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Thời gian 5 tháng (trả lãi theo thoả thuận hàng tháng). Trên giấy mượn tiền có chữ ký của ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 26/02/2021, ông Bùi Văn T1 và bà Trần Lan A có vay của ông Nguyễn Văn M số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, lãi suất tự thỏa thuận. Khi vay ông T1 có viết giấy mượn tiền ngày 26/02/2021, ông T1 và bà Lan A cùng ký tên trên giấy mượn tiền. Do đó quan hệ vay tiền giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn M với bị đơn ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A là có thật, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T1 cho rằng, ông đã trả cho ông M 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) nợ gốc và trả lãi vượt mức theo quy định của pháp luật. Cụ thể lãi suất thoả thuận giữa các bên là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng)/tháng. Ông T1 đã trả lãi cho ông M 35.000.000 đồng/tháng từ thời điểm vay đến ngày 26/10/2022. Ngày 26/10/2022, ông T1 trả cho ông M 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) nợ gốc nên từ ngày 26/10/2022, ông M tính lãi 15.000.000 đồng/tháng. Ông T1 tiếp tục đóng lãi được đến đầu năm 2023 thì không có khả năng đóng tiếp. Tòa án đã yêu cầu ông T1, bà Lan A cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh việc trả tiền gốc, lãi nhưng ông T1 không cung cấp. Tòa án đã tổ chức cho các bên đối chất, hòa giải để làm rõ nội dung vụ án nhưng bị đơn ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A vẫn cố tình vắng mặt. Riêng bà Trần Thị Lan A không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hòa giải và cố tình trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng cộng 110.000.000 đồng tiền nợ gốc và cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh như giấy mượn tiền, các chứng từ chuyển khoản thể hiện việc bị đơn trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn... Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp lệ và phù hợp với lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M yêu cầu bị đơn ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A phải trả cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26/7/2021 đến thời điểm Tòa án xét xử ngày 26/9/2023 là: **26 tháng x 390.000.000 đồng x lãi suất 10%/năm = 84.162.000 đồng (tám mươi bốn triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).**

Theo bị đơn lãi suất thỏa thuận giữa các bên là 35.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 26/10/2022, bị đơn trả cho nguyên đơn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) nợ gốc nên từ ngày 26/10/2022, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi 15.000.000 đồng/tháng. Nguyên đơn cho rằng lãi suất các bên thỏa thuận dựa theo điều kiện kinh doanh của bị đơn, thực tế bị đơn đã trả cho nguyên đơn 03 lần, với tổng số tiền là 47.000.000 đồng, cụ thể: lần 1 vào tháng 3/2021 số tiền 15.000.000 đồng; lần 02 tháng 6/2021 số tiền 20.000.000 đồng; lần 03 ngày 26/3/2022 số tiền 12.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có thời hạn và có tính lãi suất. Các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự lãi suất được tính là 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng).

Như vậy với số tiền vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 5 tháng từ ngày 26/02/2021 đến ngày 26/7/2021 thì lãi suất trong hạn mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 5 \text{ tháng} = 20.750.000 \text{ đồng}$ tiền lãi. Tuy nhiên trong thời hạn vay bị đơn đã trả cho nguyên đơn 35.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi vượt quá mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn là $35.000.000 \text{ đồng} - 20.750.000 = 14.250.000 \text{ đồng}$. Ngoài ra ngày 26/3/2022, bị đơn đã trả thêm cho nguyên đơn 12.000.000 đồng tiền lãi. Do đó để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn cần phải trừ số tiền lãi vượt quá và số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn trong khoảng thời gian từ ngày 26/7/2021 đến ngày xét xử tổng cộng là: $14.250.000 \text{ đồng} + 12.000.000 \text{ đồng} = 26.250.000 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi (từ ngày 26/7/2021 đến thời điểm Tòa án xét xử ngày 26/9/2023 là 26 tháng), buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi là: **$(390.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 26 \text{ tháng}) - 26.250.000 \text{ đồng} = 57.912.000 \text{ đồng}$ (năm mươi bảy triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).**

Như vậy tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 447.912.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 390.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 57.912.000 đồng).

[5] Về án phí:

[5.1] Ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A phải chịu 21.916.480 đồng làm tròn thành 21.916.000 đồng (hai mươi một triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2] Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 1.312.500 đồng, được trừ vào số tiền 13.834.000 đồng (mười ba triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí ông M đã nộp theo biên lai thu số 0002252 ngày 03/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Trả lại cho ông M số tiền còn lại sau khi trừ tiền án phí.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom một phần phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39 ; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền 447.912.000 đồng (bốn trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) (trong đó tiền nợ gốc là 390.000.000 đồng, tiền lãi là 57.912.000 đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Ông Bùi Văn T1 và bà Trần Thị Lan A phải liên đới chịu 21.916.000 đồng (hai mươi một triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn M phải chịu 1.312.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 13.834.000 đồng (mười ba triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí ông M đã nộp theo biên lai thu số 0002252 ngày 03/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Trả lại cho ông M số tiền còn lại sau khi trừ tiền án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Thi hành án huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thành Tâm